

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU

Số hiệu gói thầu  
và số HSYC :

Tên gói thầu :

Cung cấp 02 phễu rót hàng rời

Ngày phát hành :

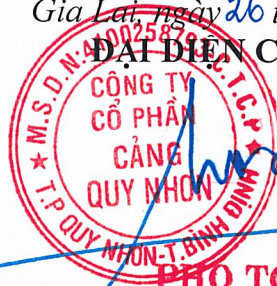
26 / 6 / 2026.

Ban hành kèm theo QĐ:

Số 1294/QĐ-QNP ngày 26/ 6 /2026 của Công ty cổ phần  
Cảng Quy Nhơn.

Gia Lai, ngày 26 tháng 6 năm 2006

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHỤ TRÁCH

*Hồ Liên Nam*



*Handwritten mark at the bottom right corner.*

## MỤC LỤC

### MÔ TẢ TÓM TẮT

#### Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDX (nếu có)

Chương IV. BIỂU MẪU HSYC VÀ HSDX

#### Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.3. Các yêu cầu khác

Mục 2. Bản vẽ và dự toán

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

#### Phần 3A. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Bên mời thầu chuẩn bị theo mẫu.

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**  
**Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

<b>1. Phạm vi gói thầu</b>	<p>1.1. Bên mời thầu quy định tại <b>E-BDL</b> phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hoá quy mô nhỏ theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phân độc lập) được quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<b>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</b>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDX và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<b>3. Nguồn vốn</b>	<p>Nguồn vốn sử dụng cho gói thầu: Vốn tự có của chủ đầu tư</p>
<b>4. Hành vi bị cấm</b>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu.</p> <p>4.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;</p> <p>b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDX cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu;</p> <p>c) Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận.</p> <p>4.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào;</p> <p>b) Cá nhân trực tiếp đánh giá HSDX, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nhà thầu cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDX dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<b>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b>	<p>5.1. Hạch toán tài chính độc lập.</p> <p>5.2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi</p>

	<p>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.</p> <p>5.3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>5.4. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p> <p>5.5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.</p> <p>5.6. Nhà thầu chào hàng hóa thuộc nhóm nêu tại <b>E-BDL</b> theo quy định của pháp luật<sup>1</sup>.</p>
<b>6.Nội dung của HSYC</b>	<p>6.1. HSYC bao gồm HSYC và Phần 1, Phần 2, Phần 3 (cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC (nếu có)), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</li> </ul> <p><b>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</li> </ul> <p><b>Phần 3. Biểu mẫu hợp đồng.</b></p>
<b>7.Ngôn ngữ của HSDX</b> -	<p>HSDX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDX được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDX (catalog...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<b>8.Thành phần của HSDX</b>	<p>HSDX phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>8.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>8.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>8.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 13 E-CDNT;</p> <p>8.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 12 E-CDNT;</p> <p>8.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 9 và Mục 10 E-CDNT;</p> <p>8.7. Các nội dung khác theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<b>9.Đơn dự thầu và các bảng biểu</b>	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất</p>

<sup>1</sup> Áp dụng đối với các loại hàng hóa chia nhóm theo quy định của pháp luật

	để hoàn thành HSDX.
<b>10. Giá dự thầu và giảm giá</b>	<p>10.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá).</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSYC và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hoá”, “Mô tả dịch vụ” theo Mẫu số 12.1 (hoặc Mẫu số 12.2) và Mẫu số 13 Chương IV.</p> <p>10.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p> <p>10.3. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>10.4 Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<b>11. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b>	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
<b>12. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</b>	<p>12.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của HSDX.</p> <p>12.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng và trang thiết bị y tế dùng cho các cơ sở y tế.</p> <p>12.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt</p>

	<p>thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu.</p> <p>12.4. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 12.1 (hoặc Mẫu số 12.2) Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này.</p> <p>12.5. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của HSYC và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V.</p> <p>12.6. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>12.7. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô do Bên mời thầu quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.</p>
<p><b>13. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</b></p>	<p>13.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDX và để Bên mời thầu lưu trữ.</p> <p>13.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện theo <b>E-BDL</b>.</p> <p>13.3. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp HSDX và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p><b>14. Thời hạn có hiệu lực của HSDX</b></p>	<p>14.1. HSDX có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>14.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDX sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDX thì HSDX của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDX không được phép</p>

	<p>thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p><b>15. Bảo đảm dự thầu</b></p>	<p>15.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu dưới 10 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 15.7 E-CDNT. Nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng và đính kèm khi nộp HSDX. Trường hợp HSDX được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 14.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng.</p> <p>15.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>15.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 15.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSYC, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV).</p> <p>15.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p> <p>15.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu cho bên mời thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng;</li> <li>b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu có văn bản rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;</li> <li>- Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 22.1 E-CDNT;</li> <li>- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 24 E-CDNT;</li> <li>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng;</li> <li>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng</li> </ul> </li> </ul>

	<p>trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự.</p> <p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự.</p> <p>15.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>15.7. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 15.2 E-CDNT dưới 10 triệu đồng, nhà thầu không phải xuất trình thư bảo lãnh theo quy định tại Mục 15.1 E-CDNT. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cam kết nếu được mời vào thương thảo hợp đồng hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 15.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền bằng giá trị quy định tại Mục 15.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu từ chối nộp tiền theo yêu cầu của bên mời thầu, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 6 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 15.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p>
<p><b>16. Thời điểm đóng thầu</b></p>	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p><b>17. Làm rõ HSDX</b></p>	<p>17.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>17.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDX giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>17.3. Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDX của nhà thầu theo HSDX nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành</p>



	<p>cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDX.</p> <p>17.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ HSDX sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>17.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDX hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 17.1 E-CDNT.</p>
<p><b>18. Xác định tính đáp ứng của HSDX</b></p>	<p>18.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDX dựa trên nội dung của HSDX theo quy định tại Mục 8 E-CDNT.</p> <p>18.2. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDX theo quy định tại Mục 12 và Mục 13 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong HSYC đã được đáp ứng và HSDX không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>18.3. Nếu HSDX không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSYC thì HSDX đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDX đó nhằm làm cho HSDX đáp ứng cơ bản HSYC.</p>
<p><b>19. Đánh giá HSDX</b></p>	<p>19.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá HSDX.</p> <p>19.2. Căn cứ vào HSDX của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá HSDX tại Mục 19.1 E-CDNT:</p> <p>19.3. Quy trình đánh giá theo phương pháp “giá thấp nhất”</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chuyên gia đánh giá các nội dung: tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong HSDX. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</li> <li>- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đôi với trường hợp liên danh). Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file scan thư bảo lãnh dự thầu thì căn cứ vào thông tin trong file scan thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá.</li> <li>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</li> </ul> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chuyên gia đánh giá các nội dung: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong HSDX.</li> <li>- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên webform và tài liệu đính kèm để đánh giá. Trường hợp có sự không thống nhất giữa</li> </ul>



	<p>thông tin kê khai trên webform và file tài liệu chứng minh thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDX.</p> <p>Trường hợp các thông tin kê khai và các tài liệu đính kèm trong HSDX không đáp ứng yêu cầu của HSYC, bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng, năng lực sản xuất hàng hóa khác (được cập nhật từ hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của HSYC trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng, năng lực sản xuất hàng hóa đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại.</p> <p>- Đối với nội dung về nhân sự chủ chốt, tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDX không đáp ứng yêu cầu của HSYC, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của HSYC trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại.</p> <p>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III và thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>;</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.</p>
<p><b>20.Đối chiếu tài liệu thương thảo hợp đồng</b></p>	<p>20.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDX, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu hoặc tiền mặt trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 15.1 E-CDNT dưới 10 triệu đồng;</p> <p>b) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2022 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>c) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2022 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số</p>

liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;

d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDX (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất);

đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong HSDX;

e) Tài liệu khác (nếu có).

20.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2022 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm c Mục 4.4 E-CDNT.

20.3. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

a) Báo cáo đánh giá HSDX;

b) HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu;

c) HSYC và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSYC (nếu có).

20.4. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Không thương thảo đối với các nội dung nhà thầu chào đúng theo yêu cầu của HSYC.

20.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về nhân sự:

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong HSDX hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDX kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu;

b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

c) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

20.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo

	<p>tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ cung cấp.</p> <p>20.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 22.1 E-CDNT.</p> <p>20.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p><b>21. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b></p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>21.1. Có HSDX hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>21.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>21.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>;</p> <p>21.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<p><b>22. Hủy thầu</b></p>	<p>22.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có nhà thầu tham dự hoặc tất cả HSDX không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong HSYC;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSYC;</p> <p>c) HSYC không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án;</p> <p>d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>22.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 22.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>22.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 22.1 E-CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d Mục 22.1 E-CDNT.</p>

<p><b>23. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>23.1. Bên mời thầu đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá HSĐX trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Bên mời thầu;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời gian giao hàng;</li> </ul> <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số doanh nghiệp hoặc số Đăng ký doanh nghiệp của nhà thầu;</li> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật (nếu có);</li> <li>- Giá đánh giá (nếu có);</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> <li>- Thời gian giao hàng.</li> </ul> <p>23.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 22.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p><b>24. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>24.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng Mẫu số 18 Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>24.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
<p><b>25. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b></p>	<p>25.1. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị bằng văn bản theo địa chỉ quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>

<b>26. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b>	Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại <b>E-BDL</b> .
---	--

TH  
TH  
TH  
TH  
TH

**Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU**

<b>E-CDNT 1.1</b>	Tên Bên mời thầu là: Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.
<b>E-CDNT 1.2</b>	Tên gói thầu: Cung cấp 02 phễu rót hàng rời Tên hạng mục: Đầu tư 02 phễu rót hàng rời Số lượng gói thầu: 01 gói thầu
<b>E-CDNT 3</b>	Nguồn vốn: Vốn tự có của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.
<b>E-CDNT 5.3</b>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn.</li> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn lập HSYC và đánh giá HSDX: Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.</li> <li>+ Tư vấn thẩm định HSYC và Kết quả lựa chọn nhà thầu: Tổ thẩm định thuộc Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.</li> </ul> </li> </ul> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với<sup>1</sup>: Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.</p>
<b>E-CDNT 5.6</b>	Nhóm hàng hóa: Cung cấp 02 phễu rót hàng rời.
<b>E-CDNT 8.8</b>	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với HSDX các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép đăng ký kinh doanh của nhà thầu.</li> </ul> <p>Về năng lực tài chính Nhà thầu nộp bản chính hoặc bản chụp được chứng thực Báo cáo tài chính 2023, 2024, 2025 và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng tương tự đã thực hiện trong 5 năm gần nhất (tính đến</li> </ul>

<sup>1</sup> Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	thời điểm đóng thầu);
<b>E-CDNT 10.5</b>	<p>Trong bảng giá, nhà thầu phải chào giá theo Mẫu số 12.1 chương IV như sau:</p> <p>Trong bảng giá chào, nhà thầu chào giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT), chi phí vận chuyển, chi phí lắp đặt, nghiệm thu bàn giao, hướng dẫn sử dụng, bảo hành, theo quy định của nhà sản xuất và các chi phí liên quan khác... để bàn giao tại địa điểm đơn vị sử dụng.</p>
<b>E-CDNT13.2</b>	<p>Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có HSDX hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</li> <li>- Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</li> </ul>
<b>E-CDNT 14.1</b>	Thời hạn hiệu lực của HSDX là: $\geq 60$ ngày làm việc kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>E-CDNT 15.2</b>	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 52.000.000 VNĐ</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 90 ngày</li> </ul>
<b>E-CDNT 19.1</b>	<p>Phương pháp đánh giá HSDX</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt</li> <li>b) Đánh giá về kỹ thuật: Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt.</li> <li>c) Phương pháp đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.</li> </ul>
<b>E-CDNT 19.3 (d)</b>	Cách thức thực hiện: Hệ thống tự động hiển thị “Việc so sánh, xếp hạng HSDX được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có).
<b>E-CDNT 19.3 (đ)</b>	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”.
<b>E-CDNT 21.4</b>	Hệ thống trích xuất khi chọn phương pháp đánh giá tại Mục 19.1 E-BDL như sau: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
<b>E-CDNT 25.1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ của Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai. SĐT: (0256) 3892363.</li> <li>- Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai. SĐT: (0256) 3892363.</li> <li>- Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Sẽ thành lập khi có yêu cầu.</li> </ul>
<b>E-CDNT 26</b>	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát:

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai. SĐT: (0256) 3892363.
---

### **Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX**

#### **Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX**

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 15.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSYC. Thư bảo lãnh không được ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSYC; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B Chương IV). Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá.

2. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

#### **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

##### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.



**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
T T	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	<b>Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu</b>	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 <sup>(2)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(3)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	<b>Thực hiện nghĩa vụ thuế</b>	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế <sup>(4)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
<b>3 Năng lực tài chính</b>						
3.1	<b>Kết quả hoạt động tài chính</b>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất tại thời điểm đóng thầu có giá trị tối thiểu là 4.700.000.000 <sup>(6)</sup> VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08



Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
T T	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
4	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự</b>	<p>Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ<sup>(7)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021<sup>(8)</sup> đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>Trong đó Hợp đồng tương tự là hợp đồng cung cấp phễu rót hàng rời dung tích từ 22 m<sup>3</sup> trở lên hoặc cung cấp hệ thống thiết bị cơ khí phục vụ xếp dỡ hàng rời (băng tải, dây chuyền, máng rót, thiết bị vận chuyển vật liệu...) có tính chất tương tự gói thầu.</p> <p>Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: 2.194.000.000 VND<sup>(10)</sup>.</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (trưng đấu với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05A
5	<b>Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác<sup>(11)</sup></b>	<p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <p>- Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSYC.</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

15/10/2021

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ		Tài liệu cần nộp
T T	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
		- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSYC.			

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là nhà máy sản xuất hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(4) Tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về số liệu tài chính).

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu

Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYC thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYC thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(8) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm

đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu.

(9) Tương tự về tính chất: là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm

(10) Quy mô của hợp đồng tương tự: có giá trị hợp đồng là Y (VND), Y thông thường khoảng 70% giá trị của gói thầu đang xét.

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Không yêu cầu.

## Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật được đánh giá theo tiêu chí “đạt/không đạt”. Nhà thầu “đạt” tất cả các nội dung dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và được đánh giá tiếp ở bước sau (Xác định giá chào), nhà thầu “không đạt” một trong các nội dung dưới đây thì được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu và không được xác định giá đánh giá.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	<b>Tính hợp lệ của hàng hóa</b>		
	Xuất xứ của hàng hóa	Hàng hóa phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.	<b>Đạt</b>
		Hàng hóa không có xuất xứ rõ ràng.	<b>Không đạt</b>
2	<b>Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa</b>		
	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ...	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ... hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu tại Mục 1, Chương V của HSYC.	<b>Đạt</b>
		Không có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ... phù hợp, đáp ứng yêu cầu Mục 1, Chương V của HSYC.	<b>Không đạt</b>
3	<b>Biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa</b>		
	Hàng hóa được vận chuyển và cung cấp bàn giao tại kho của bên chủ đầu tư	Có cam kết Hàng hóa được vận chuyển và cung cấp, lắp đặt bàn giao tại kho của Cảng Quy Nhơn	<b>Đạt</b>
		Không có cam kết Hàng hóa được vận chuyển	<b>Không đạt</b>

		và cung cấp bàn giao tại kho của Cảng Quy Nhơn	
<b>4</b>	<b>Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>		
	Tiến độ cung cấp thiết bị ≤ 60 ngày	Tiến độ cung cấp ≤ 60 ngày	<b>Đạt</b>
		Không đáp ứng yêu cầu trên	<b>Không đạt</b>
<b>5</b>	<b>Bảo hành, bảo trì</b>		
5.1	<p>Nhà thầu phải có bảng cam kết thực hiện nghĩa vụ của nhà thầu như: có cam kết đào tạo chuyển giao công nghệ,</p> <p>có cam kết về thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa.</p> <p>Trong thời gian không quá 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư bằng văn bản thông báo hàng hóa bị hư hỏng, nhà thầu phải cử cán bộ có trình độ chuyên môn có mặt để khắc phục.</p>	Có cam kết về đào tạo chuyển giao công nghệ; thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.	<b>Đạt</b>
		Không có cam kết đào tạo chuyển giao công nghệ; bảo hành hoặc có nhưng nhỏ hơn thời gian bảo hành của nhà sản xuất.	<b>Không đạt</b>
	<b>Kết luận</b>	Nhà thầu được đánh giá đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá ở bước tiếp theo.	

#### Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

##### 4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>5</sup>:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xếp hạng nhà thầu: HSDX có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDX:** Không có phương án thay thế.

#### Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa	Scan và đính kèm	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	Scan và đính kèm		X
3	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)	Scan và đính kèm		X
4	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Scan và đính kèm		X
5	Mẫu số 07. Hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu	Scan và đính kèm		X
6	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu	Scan và đính kèm		X
7	Mẫu số 10. Bảng tiến độ cung cấp	Scan và đính kèm		X
8	Mẫu số 11. Bảng tổng hợp giá dự thầu	Scan và đính kèm		X
9	Mẫu số 12.1. Bảng giá dự thầu của hàng hóa	Scan và đính kèm		

10	Mẫu số 13. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan	Scan và đính kèm		<b>X</b>
----	---	------------------	--	----------

C. J.  
4/19

## PHẠM VI CUNG CẤP

S T T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa <sup>(1)</sup>	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng <sup>(2)</sup>	
						Ngày giao hàng sớm nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>
1	Cung cấp 02 phễu rót hàng rời	Cái	02	Chi tiết tại Mục 1 - Yêu cầu kỹ thuật tại chương V Yêu cầu về kỹ thuật.	số 02 Phan Chu Trinh, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai	Trong vòng 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Ghi chú:

(1) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(2) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V.

**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_

Tên gói thầu: \_\_\_

Kính gửi: \_

Sau khi nghiên cứu HSYC, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_, số đăng ký doanh nghiệp: \_\_\_ cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_ số E-TBMT: \_\_\_ theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC với giá dự thầu (tổng số tiền) là \_\_\_ cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là \_\_\_ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDX: \_\_\_

Bảo đảm dự thầu: \_\_\_ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu: \_\_\_ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu
5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
6. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.
7. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.



8. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 24.1 E-CDNT của HSYC.

9. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.<sup>(2)</sup>

10. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu (hoặc bảo đảm dự thầu bằng tiền mặt nếu có giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng) theo yêu cầu của Bên mời thầu quy định tại Mục 15.5 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp HSDX
- (2) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Chủ đầu tư quy định tại Mục 5.3 E-BDL]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_ [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(4)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 22.1 E-CDNT của HSYC;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;<sup>(5)</sup>
6. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại

#### Mục 24.1 E-CDNT của HSYC.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDX, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

#### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

#### Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 15.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSYC, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDX là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 15.2 **E-BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16.1 **E-BDL**.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 15.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

(5) Chỉ áp dụng đối với mua sắm tập trung có sử dụng thỏa thuận khung.

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN <sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>
Tên dự án:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>	
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III <sup>(2)</sup></b>		
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

## HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

### Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III

- Không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- Có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm \_\_ [ghi năm] theo quy định tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
<b>Tổng tài sản</b>			
<b>Tổng nợ</b>			
<b>Giá trị tài sản ròng</b>			
<b>Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>			
<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) <sup>(2)</sup></b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm

(không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình thương thảo hợp đồng như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

## BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

S T T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]
					Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
...							

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7): Hệ thống tự trích xuất

Cột (8): Nhà thầu điền

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU****(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)**

(Trường hợp HSYC yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	$(M)$ [Mẫu 12.1]
2	Dịch vụ liên quan	$(I)$ [Mẫu 13]
	<b>Tổng cộng giá dự thầu</b> (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	$(M) + (I)$

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HOÁ**  
(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ [ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(7)
	Hàng hoá thứ 1						M1
	....						
	Hàng hoá thứ n						Mn
<b>Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b>							<b>(M)</b>

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Hệ thống tự trích xuất;  
 (5): Nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu;  
 (6): Trường hợp nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê, trường hợp nhà thầu không biết mã HS thì để trống;  
 (7): Nhà thầu điền;  
 (8): Hệ thống tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

## BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 3x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
..							
<b>Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b>							<b>(I)</b>

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Hệ thống tự trích xuất
- Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).
- Cột (8): Hệ thống tự tính.

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

#### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

##### 1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên hạng mục: Đầu tư 02 phễu rót hàng rời.
- Tên gói thầu: Cung cấp 02 phễu rót hàng rời
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
- Địa điểm cung cấp: 02 Phan Chu Trinh, Phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.
- Thời gian thực hiện hợp đồng là: 60 ngày.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Lựa chọn rộng rãi trong nước, qua mạng (vốn khác);
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

##### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

###### 1.2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung:

- Thiết bị mới 100%, gia công mới hoàn toàn;
- Kết cấu đảm bảo độ bền và an toàn trong khai thác cảng biển;
- Vật liệu thép đạt tiêu chuẩn SS400 hoặc tương đương, có chứng nhận xuất xứ đầy đủ;
- Hàn kết cấu đạt tiêu chuẩn kỹ thuật công nghiệp nặng;
- Bề mặt được xử lý chống gỉ, sơn bảo vệ.

###### 1.2.2. Yêu cầu về công năng

- Đảm bảo tiếp nhận hàng rời liên tục từ cần trục;
- Giảm thiểu tối đa rơi vãi hàng hóa trong quá trình rót;
- Tối ưu dòng chảy vật liệu, hạn chế tắc nghẽn;
- Tăng hiệu suất xếp dỡ hàng rời tại bến.

###### 1.2.3. Yêu cầu về hệ thống xả

- Cơ cấu xả phải vận hành ổn định bằng thủy lực;
- Có khả năng đóng/mở nhanh, an toàn;
- Có 3 cửa xả đảm bảo phân phối đều lưu lượng;
- Không rò rỉ hàng trong trạng thái đóng.

###### 1.2.4. Yêu cầu an toàn- vận hành

- Có lan can và sàn thao tác chống trượt;

- Có thang leo an toàn;
- Có lưới chắn giảm tải chống rơi vật liệu;
- Kết cấu ổn định khi chịu tải động từ hàng rời.

#### **1.2.5. Yêu cầu di chuyển**

- Trang bị hệ thống bánh xe chịu tải nặng;
- Đảm bảo di chuyển trong khu vực bãi cảng;

#### **1.2.6. Yêu cầu chế tạo – gia công**

- Gia công theo bản vẽ thiết kế được phê duyệt, nếu có thay đổi cần được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản;
- Hàn kết cấu liên tục, không rỗ khí, không nứt mối hàn;
- Kiểm tra chất lượng mối hàn trước nghiệm thu;
- Lắp ráp hoàn chỉnh tại xưởng trước khi bàn giao.

#### **1.2.7. Yêu cầu bảo trì**

- Thiết kế thuận tiện cho bảo dưỡng định kỳ;
- Các bộ phận thủy lực dễ thay thế;
- Kết cấu module hóa các phần chính (phễu – khung – xả).

#### **1.2.8. Yêu cầu nghiệm thu**

- Chạy thử không tải/có tải;
- Thử kín nước mái che;
- Kiểm tra giới hạn hành trình, thủy lực, điện, bánh xe, chân chống, sàn thao tác, lan can và hồ sơ bàn giao.

#### **1.2.9. Yêu cầu thuyết minh tính toán**

Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra, bổ sung thuyết minh tính toán và chịu trách nhiệm về tính hợp lý của biện pháp chế tạo, lắp dựng, vận hành thử trong phạm vi công việc nhận thầu. Nhà thầu không được tự ý thay đổi bản vẽ, thay thế vật liệu hoặc thay đổi kết cấu nếu chưa được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

Nội dung tính toán:

- Tải trọng chứa hàng
- Tải va đập khi cấp hàng
- Tải trọng gió và ổn định chống lật
- Kết cấu thép, mối hàn
- Tải trọng lên vòng bi, bánh xe và chân chống
- Hệ thủy lực
- Mái che và tời nâng/hạ
- Chống ăn mòn/son phủ

## 1.3. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật
<b>I</b>	<b>Thông số chung</b>	
1	Hàng hóa	Dùng để rót hàng rời: bột, thức ăn gia súc, ngô hạt, phân bón hóa học và hàng rời tương đương.
2	Thể tích chứa	Phễu có dung tích chứa không nhỏ hơn 60 m <sup>3</sup> /phễu; hình dạng, kết cấu và kích thước theo bản vẽ.
3	Kích thước	- Khoảng 6,6 m × 6,0 m × 10,5 m, chưa tính mái; - Miệng phễu khoảng 6000 × 5450 mm.
4	Vật liệu chính	Thép SS400 hoặc tương đương
5	Điều kiện làm việc	Làm việc ngoài trời tại cảng, chịu mưa, gió, ẩm, hơi muối, bụi hàng rời, va đập khi tiếp nhận hàng và rung động trong quá trình xả hàng.
<b>II</b>	<b>Kết cấu cơ khí</b>	
1	Thân phễu	Thành phễu bằng thép tấm PL8. Các vùng chịu mài mòn, cổ họng, bản mã, vị trí đỡ lưới giảm tải dùng PL12/PL20 và thép hình theo bản vẽ. Góc nghiêng thành phễu và thành vú xả/họng xả phải ≥ 45° so với phương ngang.
2	Khung chịu lực	Khung chính dùng thép hộp 300x300x10, 150x150x10, thép U180/U100, V100/V63 hoặc tương đương theo bản vẽ. Kết cấu phải đảm bảo chịu tải hàng, tải va đập, tải gió và ổn định khi vận hành.
3	Lưới giảm tải	Lưới giảm tải bằng thép hộp 50x100x3, thép tròn Ø20, chịu được va đập khi tiếp nhận hàng từ gầu ngoạm. Kết cấu cần thuận tiện tháo lắp, vệ sinh, không tạo điểm kẹt hàng và không làm giảm lưu lượng cấp hàng vào phễu.
4	Sàn thao tác, cầu thang, lan can	Sàn thao tác sử dụng tôn nhám/tôn gân chống trượt dày 3mm; bố trí cầu thang, chiếu nghỉ, thang leo, lan can, thanh chắn giữa, tấm chắn chân, cửa/xích chắn tại lối lên xuống.
5	Họng xả	Mỗi phễu có 03 họng xả. Cửa xả điều khiển bằng thủy lực, có chế độ đóng/mở đồng thời 03 họng và chế độ đóng/mở độc lập từng họng. Phải có cảm biến/công tắc hành trình đóng hết, mở hết; đèn báo trạng thái tại cabin; cơ cấu dùng khẩn; không rò rỉ hàng khi đóng. Có phương án thao tác đóng/mở bằng tay khi mất điện

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật
		hoặc sự cố thủy lực.
6	Ổng che họng xả rót liệu	Ổng che/máng rót tại họng xả có khả năng điều chỉnh cao độ phù hợp phương tiện nhận hàng; cao độ làm việc tham khảo 3,7-5,2 m. Cơ cấu nâng/hạ bằng tời kéo/motor-hộp giảm tốc hoặc giải pháp tương đương; có giới hạn hành trình trên/dưới, phanh giữ tải, cơ cấu vận hành bằng tay khi sự cố.
7	Mái che di động	Mái che dạng mái lùa kéo ra/đóng vào trên ray trượt, mục đích che mưa và hạn chế nước lọt vào phễu khi không khai thác. Khung mái bằng thép hộp, tôn mạ kẽm/tôn màu dày tối thiểu 0,5 mm. Có con lăn, ray trượt, tay kéo hoặc cơ cấu truyền động, chốt khóa khi đóng/mở, cữ chặn cuối hành trình, độ dốc và máng thoát nước. Trường hợp dùng motor phải có giới hạn hành trình và chế độ vận hành bằng tay khi mất điện.
8	Bánh xe di chuyển	Bố trí 02 cụm bánh cố định và 02 cụm bánh lái dẫn hướng; sử dụng bánh lốp 12R20 hoặc 12R22.5 tương đương. Mỗi cụm 2 bánh xe, tổng số bánh/lốp cho 01 phễu: 8 lốp. Trục bánh xe C45 hoặc tương đương, vòng bi, moay-ơ, cơ cấu khóa hướng bánh lái và biện pháp chèn/phanh khi làm hàng.
9	Chân chống vít me	Bố trí 04 chân chống vít me hoặc giải pháp tương đương, thao tác nhẹ, đủ khả năng chịu tải khi phễu làm việc.
10	Vòng bi	Vòng bi, bạc, chốt tại bánh xe, họng xả, mái che và cơ cấu nâng/hạ phải chọn loại phù hợp tải trọng, Có bố trí điểm bôi trơn, che chắn bụi/nước và thuận tiện thay thế bảo trì Ưu tiên các hãng SKF, Nachi, Koyo hoặc các hãng tương đương chất lượng như NSK, NTN, FAG;
11	Bao che xung quanh	Lắp tôn chắn gió/bao che xung quanh theo bản vẽ, liên kết chắc chắn, chống rung, dễ tháo lắp để vệ sinh và bảo trì. Kết cấu bao che không được cản trở tầm nhìn, lối thao tác và thoát hàng.
12	Sơn phủ/chống ăn mòn	Bề mặt thép phải được làm sạch, sơn chống rỉ và sơn phủ ngoài trời phù hợp môi trường cảng biển. Vùng

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật
		mặt trong phễu, cổ họng, họng xả, mép cửa xả, mối hàn và khu vực tiếp xúc phân bón/hàng ẩm cần được bảo vệ kỹ; sử dụng sơn epoxy/chống mài mòn hoặc tấm lót tại vùng mài mòn cao.
<b>III</b>	<b>Hệ thống điện điều khiển</b>	
1	Nguồn điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn động lực: 3 pha 380 VAC <math>\pm</math>5%, 50 Hz;</li> <li>- Nguồn điều khiển nên sử dụng 24 VDC để bảo đảm an toàn.</li> </ul>
2	Tủ điện điều khiển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tủ điện đặt trong cabin hoặc vị trí phù hợp, có bảo vệ quá tải, ngắn mạch, mất pha/ngược pha nếu cần, aptomat/cầu dao, relay trung gian/PLC mini, nút nhấn, đèn báo, còi/đèn cảnh báo khi cần.</li> <li>- Bảng điều khiển phải có tối thiểu: nút mở 03 họng, nút đóng 03 họng, công tắc Auto/Manual, nút mở/đóng từng họng, điều khiển mái che, điều khiển nâng/hạ ống che họng xả, nút dừng khẩn cấp và đèn báo trạng thái.</li> <li>- Có nút dừng khẩn cấp tại cabin và vị trí thao tác dưới đất; tủ điện/cảm biến ngoài trời phải có cấp bảo vệ phù hợp điều kiện bụi, ẩm, mưa.</li> <li>- Toàn bộ kết cấu thép, tủ điện, motor và trạm thủy lực phải được nối đất an toàn.</li> </ul>
<b>IV</b>		<b>Hệ thống thủy lực</b>

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống thủy lực phải được thiết kế đồng bộ để điều khiển 03 họng xả c mỗi phễu, bảo đảm vận hành an toàn, ổn định và dễ bảo trì.</li> <li>- Mỗi họng xả bố trí 01 hoặc 2 xy lanh thủy lực hai chiều hoặc giải pháp tương đương phù hợp kết cấu cửa xả.</li> <li>- Có trạm nguồn thủy lực gồm motor điện, bơm, thùng dầu, van an toàn, van điều áp, van điện từ, lọc dầu, đồng hồ áp, đường ống, đầu nối và phụ kiện đầy đủ.</li> <li>- Công suất motor bơm, điện áp, lưu lượng bơm, áp suất làm việc, áp suất cài đặt van an toàn, dung tích thùng dầu, loại dầu, đường kính piston/cần xy lanh, hành trình xy lanh và kiểu lắp xy lanh nhà thầu tính toán thiết kế phù hợp với vận hành.</li> <li>- Đẻ 03 họng xả đóng/mở đồng thời ổn định, cần có bộ chia lưu lượng hoặc giải pháp đồng bộ hành trình phù hợp; không chỉ chia ống dầu đơn giản nếu không bảo đảm đồng bộ.</li> <li>- Có cảm biến/công tắc hành trình báo đóng hết và mở hết cho từng họng; tín hiệu hiển thị tại cabin.</li> <li>- Có chế độ điều khiển Auto mở/đóng đồng thời 03 họng và chế độ mở/đóng từng họng riêng lẻ.</li> <li>- Khi mất điện hoặc sự cố thủy lực, phải có phương án đưa cửa xả về trạng thái an toàn hoặc thao tác bằng tay theo hướng dẫn của nhà chế tạo.</li> <li>- Cung cấp sơ đồ nguyên lý và thông số thiết bị.</li> </ul>
<b>V</b>	<b>Cabin điều khiển</b>	
1	Vị trí	Bố trí theo bản vẽ
2	Kích thước	W1700 x L2000 x H2500
3	Cấu tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cabin có kính an toàn/kính cường lực, bảo đảm quan sát được khu vực họng xả, phương tiện nhận hàng và các vị trí cần thiết.</li> <li>- Cabin chống nước mưa, bụi trong điều kiện làm việc bình thường; có chiếu sáng, thông gió và vị trí lắp bảng điều khiển thuận tiện cho người vận hành.</li> <li>- Bố trí đường đi dây điện/ống gen gọn, an toàn, tránh va đập và dễ kiểm tra bảo trì.</li> </ul>

## Mục 2. Bản vẽ + dự toán

(phục lục đính kèm)

### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

#### ***- Kiểm tra thử không tải:***

- + Thử không tải nhằm kiểm tra các thông số kỹ thuật của thiết bị, hoạt động cơ cấu đóng/ mở của các họng xả
- + Đánh giá mức độ rung lắc trong quá trình đóng mở của họng xả
- + Tiến hành vận hành thử không tải thực hiện theo hướng dẫn của nhà thầu,
- + Kết quả thử không tải phải được lập thành biên bản và có xác nhận của các bên tham gia.

#### ***- Kiểm tra thử có tải:***

- + Thử có tải nhằm đánh giá khả năng làm việc thực tế của thiết bị; kiểm tra độ ổn định, rung lắc do phân bố tải không đều, đánh giá độ êm khi đóng/ mở dưới tải vật liệu,
- + Tiến hành vận hành thử có tải theo hướng dẫn của Nhà thầu đảm bảo an toàn theo quy định hiện hành
- + Kết quả thử có tải phải được lập thành biên bản và có xác nhận của các bên tham gia.

### Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

## HỢP ĐỒNG

Số :

Ngày: [ ngày ký hợp đồng ]

**Gói thầu:** [ ghi tên gói thầu ]

**Thuộc dự án:** [ ghi tên dự án ]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015);

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ của \_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] .

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**BÊN CHỦ ĐẦU TƯ: ( Gọi tắt là Bên A)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

Địa chỉ : 02 Phan Chu Trinh, P. Quy Nhơn – Tỉnh Gia Lai

Tài khoản : 1919.777.777.9779 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Quy Nhơn.

Mã số thuế : 4100 258 793

Đại diện : Ông Chức vụ:

Email : hoadondientu@quynhonport.vn

**NHÀ THẦU: ( Gọi tắt là Bên B)**

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:



Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên đã đồng ý ký kết Hợp đồng này theo các điều kiện và điều khoản sau đây:

## ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

1.1 Hàng hóa – số lượng – giá cả:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	TIỀN THUẾ VAT	THÀNH TIỀN SAU THUẾ
<b>Tổng :</b>							
<b>Bằng chữ :./..</b>							

- Chất lượng: [ nhà thầu nêu chi tiết ]
- Bảo hành: [ nhà thầu nêu chi tiết ]
- Thời gian giao hàng: [ nhà thầu nêu chi tiết ]
- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

## ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

- Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam Đồng (VND).
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản theo tài khoản Bên nhà thầu được nêu trong



hợp đồng này.

- Thời hạn thanh toán:

\* Tạm ứng: Giá trị tạm ứng sẽ được thương lượng trong quá trình ký kết hợp đồng và bên chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau:

+ Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03% giá trị hợp đồng. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

+ Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương ứng giá trị hợp đồng sẽ được tạm ứng do ngân hàng tại Việt Nam phát hành, có hiệu lực kể từ ngày bên Nhà thầu nhận được tiền tạm ứng từ bên Chủ đầu tư cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định;

\* Thanh toán: Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, lắp đặt và tiến hành nghiệm thu bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng, đồng thời xuất trình đầy đủ các chứng từ thanh toán quy định

+ Biên bản bàn giao, nghiệm thu hàng hóa theo Hợp đồng;

+ Biên bản nghiệm thu, thử tải, bàn giao hoàn tất thiết bị đưa vào hoạt động sau lắp đặt;

+ Biên bản thanh lý Hợp đồng;

+ Hóa đơn GTGT hợp lệ.

+ Bảo lãnh bảo hành của một Ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam với giá trị 5% giá trị Hợp đồng, hiệu lực kể từ ngày phát hành đến khi Nhà thầu hoàn thành thời gian bảo hành theo quy định 12 tháng.

Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.

**ĐIỀU 3: LOẠI HỢP ĐỒNG:** Trọn gói.

**ĐIỀU 4: PHẠT HỢP ĐỒNG**

- Nếu Bên nhà thầu chậm giao hàng quá thời hạn được quy định ở điều 1, trừ trường hợp bất khả kháng, thì phải chịu phạt với lãi suất 2%/tuần trên giá trị hàng giao trễ. Tuy nhiên tổng số tiền phạt không được vượt quá 8% tổng giá trị Hợp Đồng và thời gian giao hàng trễ không vượt quá 4 tuần. Nếu tổng số tiền phạt vượt quá 8% giá trị hợp đồng, Bên nhà thầu được xem như là đơn phương chấm dứt hợp

đồng.

- Ngược lại, nếu Bên chủ đầu tư chậm thanh toán quá thời hạn được quy định ở điều 2, trừ trường hợp bất khả kháng, thì phải chịu phạt với lãi suất 2%/tuần trên giá trị thanh toán trễ. Tuy nhiên tổng số tiền phạt không được vượt quá 8% tổng giá trị Hợp Đồng và thời gian thanh toán trễ không vượt quá 4 tuần. Nếu tổng số tiền phạt vượt quá 8% giá trị hợp đồng, Bên chủ đầu tư được xem như là đơn phương chấm dứt hợp đồng.
- Trường hợp một trong hai bên tự ý hủy hợp đồng sau khi Hợp đồng đã được ký kết thì phải bồi thường cho bên kia chi phí 8% giá trị Hợp đồng và những thiệt hại phát sinh (nếu có). Bên nhà thầu phải hoàn trả số tiền mà bên chủ đầu tư đã tạm ứng (nếu có).

#### **ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN**

- Bên nhà thầu có nghĩa vụ giao đúng, đầy đủ số lượng, chủng loại hàng hóa và đặc điểm kỹ thuật theo đúng yêu cầu như đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.
- Trường hợp vật tư Bên nhà thầu cung cấp không đúng chất lượng theo yêu cầu, không phù hợp với thiết bị hiện hữu, Bên chủ đầu tư sẽ làm thủ tục hoàn trả vật tư, đồng thời Bên nhà thầu phải cung cấp vật tư mới đạt chất lượng và đúng yêu cầu kỹ thuật, thời gian đổi trả không vượt quá thời gian thực hiện hợp đồng. Nếu quá thời gian Chủ đầu tư có quyền có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.
- Việc kiểm tra thử nghiệm hàng hóa của chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của nhà thầu.
- Thời hạn sửa chữa, thay thế là: Khi có yêu cầu về bảo hành, Nhà thầu phải cử chuyên gia không chậm quá 48 giờ kể từ khi được yêu cầu của Chủ đầu tư. Trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng được việc bảo hành thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện. Toàn bộ kinh phí thuê này do nhà thầu chi trả. Thời gian sửa chữa tối đa là 10 ngày.
- Bên Chủ đầu tư có nghĩa vụ nhận hàng và thanh toán cho Bên nhà thầu đầy đủ, đúng thời hạn và đúng phương thức như đã quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG**

- Khi xảy ra sự kiện pháp lý ngoài ý muốn chủ quan của các bên, ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng đã ký như: bão, lũ lụt, hạn hán, động đất, núi lửa, sóng thần, chiến tranh, bạo động... thì các điều khoản về nghĩa vụ, trách nhiệm và thời gian thực hiện hợp đồng hai bên sẽ bàn bạc xem xét lại.
- Khi xảy ra bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

**ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- Bất cứ tranh chấp nào liên quan đến Hợp đồng sẽ được thương lượng giữa hai bên. Nếu hai bên không giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Gia Lai xem xét. Tòa án này sẽ giải quyết vụ việc theo quy tắc tố tụng hiện hành của pháp luật Việt Nam.

**ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, bất cứ bổ sung và/hoặc sửa đổi điều khoản nào của hợp đồng chỉ có giá trị khi được lập bằng văn bản và có xác nhận của hai bên.
- Các điều kiện và điều khoản không nêu trong Hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo qui định của pháp luật hiện hành của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ****ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**8  
1  
H  
N  
N  
N

## Mẫu số 18

## BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); <sup>(1)</sup>

Theo quy định trong HSYC (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.1 E-ĐKCT của HSYC*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(3)</sup>.

## Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_ [*ghi số hợp đồng*] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.1 E-ĐKCT.

**Mẫu số 19**

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 10.1 E-ĐKCT của HSYC*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(3)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 10.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

